CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2010*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật để thực thi

các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn hoàn thành việc soạn thảo các dự án luật nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ Thông tin và Truyền thông áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ

1. Thủ tục "Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư" - B-BTT-017072-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định nộp "Bản sao có dấu xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát";

- Bỏ "Tài liệu chứng minh người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát".

c) Bỏ toàn bộ các yêu cầu, điều kiện sau:

- Điều kiện thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép: Hồ sơ đề nghị cấp phép phải đủ về số lượng bộ hồ sơ, các đầu mục trong hồ sơ theo quy định tại điểm a), điểm b) khoản 5 Thông tư số 08/2008/TT-BTTTT; Các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép phải được khai đủ và thống nhất;

- Căn cứ để cấp giấy phép: Các nội dung của hồ sơ đề nghị cấp phép phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển thị trường bưu chính, chuyển phát; Đề án kinh doanh thể hiện tính khả thi, có các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Tiêu chuẩn chất lượng, giá cước, mức bồi thường trong trường hợp phát sinh thiệt hại, mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thủ tục "Cấp giấy phép thử nghiệm dịch vụ chuyển phát thư" - B-BTT-018535-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

3. Thủ tục "Xác nhận đăng ký là đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài" - B-BTT-017585-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

4. Thủ tục "Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát" - B-BTT-017713-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định "Bản sao có dấu xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát";

- Bổ sung quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

5. Thủ tục "Cấp giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông" - B-BTT- 028448-TT

a) Về trình tự thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Đối với quy trình thẩm định hồ sơ xin cấp phép, phân định thành 2 bước:

Bước 1: Kiểm tra tính hợp lệ và hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc;

Bước 2: Thẩm định hồ sơ về mặt nội dung. Trong thời gian 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

- Bỏ khâu xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ ở bước giải quyết thủ tục.

b) Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác;

c) Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn

- Sửa tên "Đơn xin cấp giấy phép" thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép".

- Quy định nộp bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư;

d) Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Về yêu cầu, điều kiện

- Bỏ quy định loại hình doanh nghiệp được quyền tham gia kinh doanh;

- Quy định cụ thể mức vốn tối thiểu doanh nghiệp cam kết đầu tư.

6. Thủ tục "Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông" - B-BTT- 070048-TT

a) Phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung giấy phép thành 2 loại:

- Đối với những trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn giản như thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp... thì doanh nghiệp chỉ cần thông báo những nội dung thay đổi, sửa đổi bổ sung cho các cơ quan cấp phép;

- Đối với các trường hợp thay đổi cơ bản nội dung giấy phép như: thay đổi quy mô doanh nghiệp, thay đổi cổ đông sáng lập… phải được sự cho phép của cơ quan quản lý Nhà nước.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

c) Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn

- Sửa tên "Đơn xin sửa đổi, bổ sung giấy phép" thành "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép";

- Quy định chi tiết về nội dung báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp;

- Thay thế quy định "các tài liệu khác có liên quan" bằng "các tài liệu khác có liên quan đến sửa đổi, bổ sung giấy phép (nếu có)".

d) Quy định thời gian giải quyết thủ tục là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7. Thủ tục "Gia hạn Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông" - B-TT- 070069-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

b) Sửa tên "Đơn xin gia hạn giấy phép" thành "Đơn đề nghị gia hạn giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị gia hạn giấy phép";

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8. Thủ tục "Cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông" - B-BTT- 028329-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

- Đối với quy trình thẩm định hồ sơ xin cấp phép, phân định thành 2 bước:

Bước 1: Kiểm tra tính hợp lệ và hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc;

Bước 2: Thẩm định hồ sơ về mặt nội dung. Trong thời gian 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

b) Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn

- Sửa tên "Đơn xin cấp giấy phép" thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép";

- Quy định nộp "bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư".

c) Về yêu cầu, điều kiện, bỏ toàn bộ các điều kiện của thủ tục:

- Điều kiện về chủ thể: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Điều kiện về kỹ thuật nghiệp vụ: Có phương án kỹ thuật phát triển hệ thống thiết bị viễn thông trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng và phương án kinh doanh dịch vụ viễn thông khả thi và phù hợp với các quy định hiện hành về thiết

lập mạng, kết nối, sử dụng tài nguyên thông tin, giá cước, công nghệ và chất lượng dịch vụ; Có các phương án dự phòng để đảm bảo an toàn khi có sự cố về kỹ thuật; Có các trang thiết bị và phương án kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin.

9. Thủ tục "Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông" - B-BTT- 027141-TT

a) Phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung giấy phép thành 2 loại:

- Đối với những trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn giản như thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp... doanh nghiệp thông báo những nội dung thay đổi, sửa đổi bổ sung cho các cơ quan cấp phép;

- Đối với các trường hợp thay đổi cơ bản nội dung giấy phép như: thay đổi quy mô doanh nghiệp, thay đổi cổ đông sáng lập… phải được sự cho phép của cơ quan quản lý Nhà nước.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

c) Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn

- Sửa tên "Đơn xin sửa đổi, bổ sung giấy phép" thành "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép";

- Quy định chi tiết về nội dung báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp;

- Thay thế quy định "các tài liệu khác có liên quan" bằng "các tài liệu khác có liên quan đến sửa đổi, bổ sung giấy phép (nếu có)".

d) Quy định thời gian giải quyết là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Thủ tục "Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông" - B-BTT-127146-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

b) Sửa tên "Đơn xin gia hạn giấy phép" thành "Đơn đề nghị gia hạn giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị gia hạn giấy phép";

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11. Thủ tục "Cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng" -B-BTT-029248-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

- Đối với quy trình thẩm định hồ sơ xin cấp phép, phân định thành 2 bước:

Bước 1: Kiểm tra tính hợp lệ và hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc;

Bước 2: Thẩm định hồ sơ về mặt nội dung. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

b) Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn

- Sửa tên "Đơn xin cấp giấy phép" thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép" và ban hành mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép";

- Quy định nộp bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

12. Thủ tục "Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng" - B-BTT- 070415-TT

a) Phân loại các trường hợp sửa đổi bổ sung giấy phép thành 2 loại:

- Đối với những trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn giản như thay đổi địa điểm, trụ sở, sửa đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, doanh nghiệp thông báo những nội dung thay đổi, sửa đổi bổ sung cho các cơ quan cấp phép;

- Đối với các trường hợp thay đổi cơ bản nội dung giấy phép như: thay đổi quy mô doanh nghiệp, thay đổi cổ đông sáng lập, doanh nghiệp phải được sự cho phép của cơ quan quản lý Nhà nước.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

c) Sửa tên "Đơn xin sửa đổi, bổ sung" thành "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung" và ban hành mẫu đơn đề nghị.

13. Thủ tục "Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng" - B-BTT- 070427-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

b) Sửa tên "Đơn xin gia hạn giấy phép" thành "Đơn đề nghị gia hạn giấy phép" và ban hành mẫu đơn đề nghị.

14. Thủ tục "Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông" - B-BTT- 029322-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

- Đối với quy trình thẩm định hồ sơ xin cấp phép, phân định thành 2 bước:

Bước 1: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời gian 10 ngày làm việc, nếu hồ sơ chưa đầy đủ và theo quy định thì cơ quan quản lý hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ;

Bước 2: Thẩm định hồ sơ về mặt nội dung. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

b) Sửa tên "Đơn xin sửa đổi, bổ sung" thành "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung" và ban hành mẫu đơn đề nghị.

15. Thủ tục "Gia hạn thời gian thử nghiệm của giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông" - B-BTT- 070408-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

b) Sửa tên "Đơn xin gia hạn" thành "Đơn đề nghị gia hạn" và ban hành mẫu đơn đề nghị.

16. Thủ tục "Cấp phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam" - B-BTT- 068051-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

- Đối với quy trình thẩm định hồ sơ xin cấp phép, phân định thành 2 bước:

Bước 1: Kiểm tra tính hợp lệ và hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc;

Bước 2: Thẩm định hồ sơ về mặt nội dung. Trong thời gian 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối cấp phép.

b) Về thành phần hồ sơ, và mẫu đơn

- Sửa tên "Đơn xin sửa đổi, bổ sung" thành "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung" và ban hành mẫu đơn đề nghị;

- Quy định rõ các nội dung trong Đề án.

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục là 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17. Thủ tục "Gia hạn giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam" - B-BTT- 070442-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

b) Sửa tên "Đơn xin gia hạn" thành "Đơn đề nghị gia hạn" và ban hành mẫu đơn đề nghị;

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục là 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

18. Thủ tục "Sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam" - B-BTT- 070436-TT

a) Phân loại các trường hợp sửa đổi, bổ sung thành 2 loại: trường hợp sửa đổi, bổ sung chỉ cần thông báo và trường hợp sửa đổi, bổ sung cần xin phép;

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Bổ sung cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

c) Sửa tên "Đơn xin sửa đổi, bổ sung" thành "Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung" và ban hành mẫu đơn đề nghị.

19. Thủ tục "Xác nhận đủ điều kiện kỹ thuật nghiệp vụ cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến" - B-BTT- 127146-TT

Về mẫu đơn, tờ khai

- Ban hành mẫu báo cáo việc triển khai các điều kiện kỹ thuật nghiệp vụ cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến áp dụng thống nhất trong cả nước;

- Ban hành mẫu đơn "Đề nghị xác nhận đủ điều kiện kỹ thuật nghiệp vụ cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến".

20. Thủ tục "Phân bổ mã, số viễn thông" -B-BTT-129669-TT

a) Hình thức phân bổ mã, số

- Quy định chi tiết về các hình thức phân bổ mã, số: Đấu giá, thi tuyển, các phương thức phân bổ khác;

- Quy định chi tiết về các yêu cầu đối với tài nguyên số; mô tả chi tiết kỹ thuật và phương án kinh doanh liên quan đến việc phân bổ mã số.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

- Quy định cách thức thực hiện gồm: gửi trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính, hoặc các cách thức khác.

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ;

- Bỏ "Giấy phép liên quan";

- Bổ sung các nội dung: Miêu tả yêu cầu về tài nguyên số; Miêu tả chi tiết kỹ thuật, sơ đồ kiến trúc triển khai, kế hoạch kinh doanh liên quan đến việc cấp phát số; Vùng đánh số theo địa dư liên quan; Ngày dự kiến triển khai dịch vụ; Dự kiến dung lượng sử dụng số sau 3 năm kinh doanh đầu đi vào hoạt động và miêu tả các dịch vụ dự kiến triển khai…. vào Đơn đề nghị/Mẫu tờ khai phân bổ mã, số viễn thông.

21. Thủ tục "Thỏa thuận cho phép sản xuất thiết bị vô tuyến" - B-BTT- 029322-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

22. Thủ tục "Thỏa thuận cho phép tạm nhập, tái xuất thiết bị thông tin (cho các đoàn ngoại giao, triển lãm giới thiệu công nghệ)"-B-BTT-032016-TT

a) Quy định trình tự, cách thức thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 03 bộ;

c) Ban hành mẫu công văn yêu cầu cho tạm nhập tái xuất và sử dụng thiết bị viễn thông;

d) Quy định thời hạn giải quyết là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

23. Thủ tục "Đăng ký giá cước viễn thông" - B-BTT-055313-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Ban hành mẫu "Đơn đăng ký giá cước viễn thông".

24. Thủ tục "Thông báo giá cước" - B-BTT- 029322-TT

a) Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định trình tự thực hiện bao gồm: bước kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

- Thay thế cách thức thực hiện trực tiếp bằng cách thức thông báo giá cước qua mạng Internet.

b) Quy định số bộ hồ sơ doanh nghiệp phải nộp là 01 bộ;

c) Ban hành mẫu "Thông báo giá cước viễn thông".

25. Thủ tục "Phê duyệt phương án giá cước dịch vụ điện thoại nội hạt (thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ)" - B-BTT- 029322-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

26. Thủ tục "Giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về viễn thông và Internet" - B-BTT- 054708-TT

Quy định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý phải có văn bản trả lời.

27. Thủ tục "Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện" - B-BTT-027413-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; bước giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và bước trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện: nộp bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (với trường hợp là tổ chức); Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (với trường hợp là cá nhân). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nộp bản sao kèm bản gốc để đối chiếu;

- Thay thế "Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn" bằng "Giấy chứng nhận hợp quy".

c) Về mẫu tờ khai: Phần cam kết thay "Bộ Bưu chính, Viễn thông" bằng "Bộ Thông tin và Truyền thông";

d) Quy định bổ sung về hiệu lực của giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện này như sau: giấy phép có hiệu lực cho đến khi lô hàng đó được thông quan hoàn toàn, không vượt qua số lượng ghi trong giấy phép và trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy.

28. Thủ tục "Gia hạn giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện" - B-BTT-116091-TT

Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết.

29. Thủ tục "Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy" - B-BTT-115584-TT

- Bỏ "Đơn đăng ký công bố hợp quy" trong thành phần hồ sơ và bãi bỏ Mẫu đơn đăng ký công bố hợp quy.

- Bỏ " Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp".

- Sửa đổi mẫu Bản công bố hợp quy như sau: Thay thế cụm từ "Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo kết quả tự đánh giá sự phù hợp số ..." bằng "Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy/Kết quả đo kiểm sản phẩm số ...".

- Quy định trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện: nộp bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (với trường hợp là tổ chức); Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (với trường hợp là cá nhân). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nộp bản sao kèm bản gốc để đối chiếu.

30. Thủ tục "Công bố hợp quy cho các sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy" - B-BTT-115319-TT

- Bãi bỏ "Đơn đăng ký công bố hợp quy" và Mẫu đơn đăng ký công bố hợp quy.

- Quy định trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện: nộp bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân sau: Giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (với trường hợp là tổ chức); Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (với trường hợp là cá nhân). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nộp bản sao kèm bản gốc để đối chiếu.

31. Thủ tục "Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị chưa có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm" - B-BTT-115669-TT

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

- Quy định trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện: nộp bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (với trường hợp là tổ chức); Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (với trường hợp là cá nhân). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nộp bản sao kèm bản gốc để đối chiếu.

32. Thủ tục "Chứng nhận hợp quy áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước của các đơn vị đã có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm và sản phẩm nhập khẩu" - B-BTT-115960-TT

- Quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ.

- Quy định trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện: nộp bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (với trường hợp là tổ chức); Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (với trường hợp là cá nhân). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nộp bản sao kèm bản gốc để đối chiếu.

33. Thủ tục "Công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông" - B-BTT-028132-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Sửa đổi mẫu công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông: Thay thế cụm từ "Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin" bằng "Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông", thay thế cụm từ "Bộ Bưu chính, Viễn thông" bằng "Bộ Thông tin và Truyền thông".

34. Thủ tục "Công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông" - B-BTT-115287-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ và mẫu đơn

- Bãi bỏ "Giấy chứng nhận kiểm định" (đối với công trình viễn thông thuộc "Danh mục công trình viễn thông bắt buộc kiểm định");

- Bãi bỏ "Kết quả tự đánh giá sự phù hợp";

- Bãi bỏ "Đơn đăng ký công bố sự phù hợp công trình viễn thông";

- Sửa mẫu Bản công bố sự phù hợp: phần căn cứ thay "Kết quả tự đánh giá sự phù hợp" bằng "Kết quả đo kiểm công bố sự phù hợp công trình viễn thông";

- Thay thế "Giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của doanh nghiệp" bằng "bản sao (có bản gốc để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính) một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư".

35. Thủ tục "Đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam" - B-BTT-094027-TT

Quy định nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu nếu nộp hồ sơ trực tiếp, trường hợp gửi qua đường bưu điện vẫn phải có chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập.

36. Thủ tục "Cấp phát sử dụng số hiệu mạng" - B-BTT-094008-TT

Quy định cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả thủ tục cấp phát sử dụng số hiệu mạng: qua thư điện tử.

37. Thủ tục "Báo cáo Trung tâm VNCERT - Bộ TTTT về tình hình hoạt động của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet" - B-BTT-027200-TT

Quy định tần suất nộp báo cáo: 6 tháng một lần.

38. Nhóm thủ tục:

- "Cấp phép sử dụng Tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện riêng lẻ (trừ vi ba, vệ tinh) và điện thoại kéo dài không dây" - B-BTT-037700-TT;

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị phát sóng Phát thanh - Truyền hình" - B-BTT-043641-TT.

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị Vi ba" -B-BTT-045877-TT.

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị thông tin vệ tinh" - B-BTT-050673-TT.

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối các mạng dùng riêng" -B-BTT-050514-TT;.

- "Cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với thiết bị truyền thanh không dây" -B-BTT-072644-TT.

a) Về thành phần hồ sơ

- Bỏ Đơn xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện; kết hợp những nội dung của Đơn vào Bản khai xin cấp phép;

- Sửa tên Bản khai xin cấp phép thành "Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện";

- Quy định nộp bản sao Giấy phép thiết lập mạng;

- Quy định nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Bổ sung quy định nộp Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn (có chứng thực nếu nộp qua đường bưu điện) đối với cá nhân trong thành phần hồ sơ của thủ tục "Cấp phép sử dụng Tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện riêng lẻ (trừ vi ba, vệ tinh) và điện thoại kéo dài không dây".

b) Về mẫu tờ khai

- Bỏ nội dung lấy ý kiến xác nhận của địa phương trong mẫu tờ khai của thủ tục "Cấp phép sử dụng Tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện riêng lẻ (trừ vi ba, vệ tinh) và điện thoại kéo dài không dây":

39. Nhóm thủ tục:

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tàu biển" -B-BTT-050800-TT.

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tầu sông" -B-BTT-155269-TT.

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá" -B-BTT-050847-TT.

- "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài bờ liên lạc với các phương tiện nghề cá" -B-BTT-155270-TT.

a) Về thành phần hồ sơ

- Bỏ Đơn xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện; kết hợp những nội dung của Đơn vào Bản khai xin cấp phép;

- Sửa tên Bản khai xin cấp phép thành "Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện";

- Quy định nộp bản sao Giấy phép thiết lập mạng;

- Quy định nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, hoặc Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Quy định thời gian giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Sửa đổi điều kiện "Khai thác viên đài tàu biển, tàu vô tuyến điện nghiệp dư và các trường hợp khác phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên do Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp hoặc công nhận" của thủ tục Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài tàu biển thành "Khai thác viên đài tàu biển, tàu vô tuyến điện nghiệp dư và các trường hợp khác phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cấp hoặc công nhận".

40. Thủ tục "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài thông tin vệ tinh (thiết bị thông tin dành cho cơ quan đại diện nước ngoài)" - B-BTT-050911-TT

- Bỏ Đơn xin cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện; kết hợp những nội dung của Đơn vào Bản khai xin cấp phép.

- Sửa tên Bản khai xin cấp phép thành "Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện".

41. Thủ tục "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư"

a) Về thành phần hồ sơ:

- Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn (có chứng thực nếu nộp qua đường bưu điện) đối với cá nhân đề nghị cấp phép;

- Bỏ phần lấy ý kiến xác nhận của địa phương trong Bản khai.

b) Quy định thời hạn giải quyết cấp phép là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

42. Thủ tục "Cấp giấy phép băng tần" - B-BTT-051235-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết.;

b) Về thành phần hồ sơ

- Đối với doanh nghiệp trong nước: Quy định nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;

- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh: Quy định nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Giấy phép đầu tư.

c) Về mẫu đơn, tờ khai:

- Sửa tên "Đơn xin cấp giấy phép băng tần" thành "Bản khai đề nghị cấp giấy phép băng tần";

- Sửa đổi, bổ sung nội dung Bản khai đề nghị cấp giấy phép băng tần như sau: Phần "Căn cứ …" để trống để doanh nghiệp tự điền.

d) Bỏ toàn bộ yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục ngoại trừ điều kiện: "Đối với mạng viễn thông công cộng phải có nhu cầu triển khai băng tần trên phạm vi toàn quốc".

43. Thủ tục "Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện" - B-BTT-050696-TT

Quy định nộp bản sao (kèm bản gốc để đối chiếu khi nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý; có chứng thực khi nộp qua bưu chính, chuyển phát) Giấy phép thiết

lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc Giấy phép thử nghiệm mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

44. Nhóm thủ tục: "Cấp giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải" -B-BTT-066471-TT; "Gia hạn, đổi, cấp lại giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải" - B-BTT-115268-TT.

45. Thủ tục "Đổi giấy Chứng nhận Vô tuyến điện viên hàng hải đối với thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu mang cờ Việt Nam" - B-BTT-115267-TT.

- Pháp lý hóa thủ tục.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Giao thông vận tải trong việc thực hiện thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn và đổi giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hàng hải theo hướng:

+ Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết các loại chứng chỉ vô tuyến điện viên; đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn chuyên ngành, thủ tục cấp, thu hồi Chứng chỉ vô tuyến điện viên, công nhận Chứng chỉ vô tuyến điện viên nước ngoài; đào tạo vô tuyến điện viên;

+ Bộ Giao thông vận tải căn cứ vào kết quả đào tạo do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp thực hiện việc cấp giấy chứng nhận; căn cứ vảo các quy định và tiêu chuẩn chuyên ngành thực hiện việc gia hạn, đổi, cấp lại giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hàng hải.

46. Thủ tục "Cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình" - B-BTT-061363-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về mẫu đơn, tờ khai

- Sửa đổi tên "Bản khai đăng ký xin cấp giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình" thành "Đơn đề nghị cấp phép hoạt động phát thanh truyền hình";

- Bổ sung phần: "Kính gửi: Cục quản lý Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử" sau phần tiêu đề;

- Gộp danh sách cán bộ lãnh đạo đài phát thanh truyền hình, danh sách các cán bộ phụ trách phòng ban nghiệp vụ, bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ phóng viên, biên tập viên của đài vào "Bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, công nhân viên".

47. Thủ tục "Cấp giấy phép hoạt động truyền hình trả tiền" - B-BTT-066918-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Bỏ các thành phần hồ sơ sau đây:

- Quyết định thành lập đơn vị hoạt động truyền hình trả tiền (nếu có);

- Quyết định bổ nhiệm người chịu trách nhiệm nội dung chương trình truyền hình trả tiền;

- Sơ yếu lý lịch người chịu trách nhiệm nội dung chương trình truyền hình trả tiền;

- Hợp đồng bản quyền chương trình (nếu có);

- Hợp đồng tham gia đầu tư (nếu có).

c) Về mẫu đơn, tờ khai:

- Sửa đổi tên mẫu đơn thành "Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động truyền hình trả tiền";

- Về nội dung Đơn đề nghị cấp phép:

+ Bỏ mục 5 "Tên đơn vị thiết kế, xây dựng mạng truyền hình cáp" và mục 6 "Tên đơn vị duyệt thiết kế";

+ Bỏ mục 9, 10 về "Số lượng người tham gia quản lý, điều hành mạng truyền hình cáp" và "Người chịu trách nhiệm quản lý nội dung chương trình truyền hình phát trên mạng truyền hình cáp".

48. Thủ tục "Cấp giấy phép sửa đổi bổ sung Giấy phép hoạt động truyền hình trả tiền"

- Thay thế thủ tục "Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động truyền hình trả tiền" bằng thủ tục "Thông báo sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền".

- Ban hành mẫu thông báo.

49. Thủ tục "Giấy phép thu chương trình truyền hình nước ngoài trực tiếp qua vệ tinh" - B-BBT-066637-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

50. Thủ tục "Giấy chứng nhận đăng ký cho cơ quan, tổ chức kinh doanh việc lắp đặt, sửa chữa thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh (TVRO)" - B-BTT-066940-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

51. Thủ tục "Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài tại Việt Nam" - B-BTT-066878-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

52. Thủ tục "Giấy chứng nhận đăng ký phân phối bộ giải mã chương trình truyền hình nước ngoài tại Việt nam" - B-BTT-066878-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

53. Thủ tục "Cấp phép hoạt động báo điện tử" - B-BTT-032692-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ: Gộp danh sách cán bộ lãnh đạo đài phát thanh truyền hình, danh sách các cán bộ phụ trách phòng ban nghiệp vụ, bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ phóng viên, biên tập viên của đài vào "Bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, công nhân viên";

c) Về mẫu đơn, tờ khai

- Bỏ các thông tin về "Phạm vi phát hành chủ yếu";

- Bỏ phần "Nơi nhận" ở cuối của Tờ khai.

54. Thủ tục "Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp" - B-BTT-061353-TT

Quy định chi tiết lộ trình phân cấp việc thực hiện thủ tục này cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

55. Thủ tục "Cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp"

Quy định chi tiết lộ trình phân cấp việc thực hiện thủ tục này cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

56. Thủ tục "Cấp giấy phép mua tin kinh tế" - B-BTT-037202-TT

- Thay thế thủ tục này bằng thủ tục "Thông báo cung cấp dịch vụ thông tin kinh tế chuyên ngành".

- Ban hành mẫu thông báo.

57. Thủ tục "Xét duyệt nội dung, kịch bản của trò chơi trực tuyến" - B-BTT-066441-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định nộp bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong đó có loại hình dịch vụ trò chơi trực tuyến hoặc trò chơi điện tử (không kinh doanh tại trụ sở);

- Bỏ Quy định nộp "các tài liệu cần thiết khác".

58. Thủ tục "Đăng ký quảng cáo trên mạng thông tin máy tính"

Phân cấp thủ tục này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

59. Thủ tục "Cấp phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng" - B-BTT-136051-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Thay "Thông tin chi tiết về nhân thân của người đứng đầu" bằng "Phiếu lý lịch tư pháp còn thời hạn của người hoạt động trong lĩnh vực này theo mẫu phiếu lý lịch tư pháp số 2 (theo quy định tại Điều 41, Mục I, Chương IV Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12)";

c) Quy định nộp 02 bộ hồ sơ gốc và 04 bộ sao;

d) Về yêu cầu, điều kiện

- Bãi bỏ điều kiện về "Người đại diện theo pháp luật hiểu biết pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số";

- Bãi bỏ điều kiện về "không có tiền án, tiền sự" của cán bộ, nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý, điều hành, nhân viên an ninh.

60. Thủ tục "Thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng" - B-BTT-139008-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Bỏ Quy định nộp "các tài liệu cần thiết khác";

c) Quy định nộp 02 bộ hồ sơ gốc và 04 bộ sao.

61. Nhóm thủ tục:

- "Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng" -B-BTT-139022-TT.

- "Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng"-B-BTT-139028-TT.

Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết.

62. Thủ tục "Xin cấp chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng" - B-BTT-139035-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Bỏ Quy định nộp "Các giấy tờ khác theo quy định trong quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chứ ký số quốc gia" tại Khoản 2.c Điều 21 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007.

63. Thủ tục "Đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng" - B-BTT-139041-TT

a) Sửa tên thủ tục thành "Chứng nhận đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng";

b) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết.

64. Thủ tục "Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chữ ký số" - B-BTT-139047-TT

a) Sửa tên thủ tục thành "Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chữ ký số chuyên dùng";

b) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

c) Bỏ Quy định "và các thông tin cần thiết khác" trong Đề án cung cấp dịch vụ;

d) Quy định nộp 02 bộ hồ sơ gốc và 04 bộ sao.

65. Thủ tục "Công nhận chữ ký số và chứng thư số nước ngoài" - B-BTT-139053-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ

- Bỏ "Các nội dung khác theo yêu cầu của Bộ Bưu chính, Viễn thông" trong thành phần hồ sơ;

- Bỏ " Biên lai thu lệ phí thẩm tra".

c) Quy định nộp 02 bộ hồ sơ gốc và 04 bộ sao.

66. Thủ tục "Cấp giấy phép hoạt động báo chí" - B-BTT-029828-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

b) Về nội dung tờ khai

- Gộp danh sách cán bộ phụ trách các phòng ban nghiệp vụ báo chí và bảng tổng hợp đội ngũ phóng viên, biên tập viên thành "bảng tổng hợp đội ngũ cán bộ, đội ngũ phóng viên, biên tập viên";

- Tờ khai bỏ phần "Nơi nhận".

67. Nhóm thủ tục:

- "Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí" - B-BTT-030103-TT.

- "Cho phép sửa đổi những quy định trong Giấy phép hoạt động báo chí" - B-BTT-030415-TT.

- "Cấp giấy phép xuất bản số phụ" - B-BTT-030132-TT.

- "Cấp giấy phép xuất bản phụ trương" - B-BBT030146-TT.

- "Cấp giấy phép xuất bản đặc san" - B-BTT-030161-TT.

Pháp lý hóa thủ tục.

68. Thủ tục "Cấp Giấy phép phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài" - B-BTT-132256-TT

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục Báo cáo hàng năm của cơ quan báo chí với cơ quan quản lý nhà nước về việc phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài theo mẫu báo cáo do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

69. Thủ tục "Cấp Giấy phép In và phát hành báo chí Việt Nam ở nước ngoài" - B-BTT-032469-TT

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục Thông báo của cơ quan báo chí với cơ quan quản lý nhà nước trước khi in và phát hành.

70. Thủ tục "Chấp thuận cử nhà báo, phóng viên ra nước ngoài" - B-BTT-030256-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

71. Thủ tục "Thuê chuyên gia, cộng tác viên nước ngoài" - B-BBT-030283-TT

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

72. Thủ tục "Cấp Giấy phép trưng bày tủ ảnh, tủ thông tin" - B-BTT-032584-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả của cơ quan có thẩm quyền;

b) Quy định cụ thể thời hạn giải quyết;

c) Ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp phép.

73. Thủ tục "Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)" - B-BTT-031779-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả của cơ quan có thẩm quyền;

b) Về mẫu đơn, tờ khai

- Thay tên mẫu đơn thành "Đơn đề nghị cấp phép xuất bản bản tin";

- Sửa đổi "Giấy phép số..." thành "Giấy phép/Quyết định thành lập số ...".

c) Quy định nộp bản sao có xác nhận của cơ quan, tổ chức đối với quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ quan, tổ chức, pháp nhân. Cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu sao chụp.

74. Thủ tục "Cấp giấy phép xuất bản bản tin, tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí (nước ngoài)" - B-BTT-130205-TT

- Đổi tên "Tờ khai xin cấp phép xuất bản bản tin" thành "Tờ khai đề nghị cấp phép xuất bản bản tin";.

- Sửa đổi, bổ sung "Đơn xin cấp phép xuất bản tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí" như sau:

+ Bỏ mục "sơ yếu lý lịch", "địa chỉ liên lạc" của người đại diện theo pháp luật của đơn vị xin cấp phép;

+ Đổi tên mẫu tờ Đơn xin phép thành "Đơn đề nghị cấp phép xuất bản tài liệu, tờ rơi, phát hành thông cáo báo chí".

75. Thủ tục "Cho phép họp báo" - B-BTT-032626-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả của cơ quan có thẩm quyền;

b) Về mẫu đơn, tờ khai

- Ban hành mới "Đơn đề nghị cấp phép tổ chức Họp báo";

c) Bỏ yêu cầu, điều kiện "Nội dung họp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó".

76. Thủ tục "Cấp giấy phép ra phụ trương quảng cáo" -B-BTT- 042182-TT

- Thay thế thủ tục này bằng thủ tục Thông báo ra phụ trương quảng cáo của doanh nghiệp cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Quy định cụ thể yêu cầu, điều kiện ra phụ trương quảng cáo, làm căn cứ để tiến hành công tác hậu kiểm.

77. Thủ tục "Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép ra phụ trương quảng cáo"

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung phụ trương quảng cáo của doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước.

78. Thủ tục "Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản"-B-BTT- 018556-TT

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về các tổ chức khác được thành lập nhà xuất bản sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương;

- Tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương trực tiếp sáng tạo và công bố tác phẩm.

b) Quy định về cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản;

c) Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

- Quy định nộp 01 bộ hồ sơ;

- Thay thế "lý lịch trích ngang" bằng "sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo nhà xuất bản có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của cơ quan chủ quản".

d) Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Sửa tên "đơn xin phép" thành "đơn đề nghị cấp phép"

- Chuyển các nội dung về tôn chỉ, mục đích, giám đốc, tổng biên tập, trụ sở và vốn của nhà xuất bản trong đơn vào đề án thành lập nhà xuất bản và;

- Ban hành mẫu "Đề án thành lập nhà xuất bản" để thay thế cho các giấy tờ kèm theo khác, trong đề án có đầy đủ các tiêu chí, nội dung của các giấy tờ khác (Mẫu đề án nêu rõ yêu cầu về sự cần thiết thành lập nhà xuất bản, mức độ phù hợp với quy hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản của toàn quốc và của địa phương, tên nhà xuất bản, tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nhân sự dự kiến bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, danh sách biên tập viên, mô hình tổ chức, địa chỉ, xuất bản phẩm chủ yếu, đối tượng phục vụ,v.v…tương ứng với các điều kiện được quy định trong Luật Xuất bản.

đ) Về yêu cầu, điều kiện

- Sửa đổi điều kiện "có ít nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ 03 năm trở lên" thành "Trong các vị trí lãnh đạo nhà xuất bản phải có ít nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ 03 năm trở lên tại vị trí từ cấp biên tập viên chính hoặc từ phó phòng, ban biên tập trở lên của nhà xuất bản";

- Quy định mức vốn tối thiểu đối với loại hình doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện là từ 15 tỷ đồng trở lên và đối với loại hình đơn vị sự nghiệp có thu là từ 05 tỷ đồng trở lên;

79. Nhóm thủ tục:

- "Cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam" - B- BTT-018598-TT.

- "Cấp giấy phép hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm" - B-BTT-018612-TT.

a) Sửa đổi tên cơ quan giải quyết từ Bộ Văn hóa - Thông tin thành Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Sửa tên mẫu "đơn xin cấp phép" thành "đơn đề nghị cấp phép".

80. Thủ tục "Cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản" - B-BTT018616-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản, khi điều kiện kỹ thuật cho phép sẽ thực hiện nộp hồ sơ qua mạng internet theo hướng dẫn của Cục Xuất bản;

b) Quy định thành phần hồ sơ gồm:

- 01 giấy đăng ký kế hoạch xuất bản theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT;

- 01 bản chính kết luận của Hội đồng thẩm định đã được người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt đối với trường hợp đăng ký kế hoạch xuất bản tác phẩm quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu văn bản của cơ quan nghiên cứu chuyên ngành của nhà nước ở trung ương hoặc cấp tỉnh đối với các tác phẩm phải thẩm định nội dung quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Sửa mục "Ý kiến của cơ quan chủ quản ký và đóng dấu" thành "Cơ quan chủ quản ký, đóng dấu" trong Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản;

đ) Quy định thời gian giải quyết là 05 ngày làm việc, trừ các trường hợp đăng ký kế hoạch xuất bản tác phẩm phải thẩm định nội dung quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản và Điều 4 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010.

81. Thủ tục "Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức trung ương, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam" - B-BTT-018624-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.

b) Về mẫu đơn, tờ khai

- Sửa đổi tên cơ quan giải quyết từ Bộ Văn hóa - Thông tin thành Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Sửa tên "Đơn xin cấp phép" thành "Đơn đề nghị cấp phép".

82. Thủ tục "Cấp giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương" - B-BTT-019335-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản;

b) Ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép;

c) Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

- Quy định nộp bản sao (có bản gốc đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp và có chứng thực nếu nộp qua hệ thống bưu chính) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận thành lập;

- Bỏ quy định nộp "bản cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh trật tự có xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền";

- Bổ sung quy định nộp "bản sao kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự do cơ quan công an có thẩm quyền cấp".

83. Thủ tục "Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở Trung ương" - B-BTT-022543-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản;

b) Sửa tên "Đơn xin phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài" thành "Đơn đề nghị in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài".

84. Thủ tục "Cấp Giấy phép nhập khẩu máy photocopy màu" - B-BTT-022699-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản;

b) Ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép;

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định nộp đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu máy photocopy màu theo mẫu;

- Quy định nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư; quyết định thành lập của cơ quan, tổ chức đề nghị nhập khẩu;

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

d) Quy định thời gian giải quyết thủ tục là 05 ngày làm việc.

85. Thủ tục "Cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức ở Trung ương" - B-BTT-022662-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản;

b) Ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép.

86. Thủ tục "Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh" - B-BTT-026180-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản;

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định nộp bản sao có xác nhận của cơ quan chủ quản đối với các giấy tờ quy định tại điểm d và điểm đ Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010;

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

c) Quy định thời hạn giấy phép như sau: "Giấy phép có hiệu lực cho đến khi thực hiện xong thủ tục thông quan".

87. Thủ tục "Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức ở Trung ương; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế" - B-BTT-026296-TT

a) Phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện cấp phép cho cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại địa phương được tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại địa phương đó;

b) Sửa tên thủ tục cho phù hợp với đối tượng phân cấp;

c) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản.;

d) Sửa tên mẫu "Đơn xin phép" thành mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép";

đ) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

e) Quy định thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH

1. Thủ tục "Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư" - B-BTT-032500-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về thành phần hồ sơ

- Quy định nộp "Bản sao có xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát.";

- Bỏ quy định "Tài liệu chứng minh người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát có kinh nghiệm tối thiểu 01 năm trong lĩnh vực bưu chính hoặc chuyển phát".

c) Bỏ toàn bộ các yêu cầu, điều kiện sau:

- Điều kiện thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép: Hồ sơ đề nghị cấp phép phải đủ về số lượng bộ hồ sơ, các đầu mục trong hồ sơ theo quy định tại điểm a), điểm b) khoản 5 Thông tư số 08/2008/TT-BTTTT; Các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép phải được khai đủ và thống nhất;

- Căn cứ để cấp giấy phép: Các nội dung của hồ sơ đề nghị cấp phép phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển thị trường bưu chính, chuyển phát; Đề án kinh doanh thể hiện tính khả thi, có các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Tiêu chuẩn chất lượng, giá cước, mức bồi thường trong trường hợp phát sinh thiệt hại, mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thủ tục "Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát" - B-BTT-017713-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

b) Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

- Quy định nộp "Bản sao có xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực chuyển phát tại Việt Nam.";

- Bổ sung quy định về số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

3. Thủ tục "Cấp giấy phép trưng bày tủ thông tin" - B-BTT-053147-TT

a) Quy định đối tượng thực hiện thủ tục trong văn bản hướng dẫn là: cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ;

b) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

c) Quy định thời gian giải quyết thủ tục.

d) Ban hành mẫu tờ khai.

4. Thủ tục "Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí" - B-BTT-053258-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết và trả kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền;

b) Quy định nộp bản sao có xác nhận của cơ quan, tổ chức đối với Giấy phép hoạt động báo chí và Thẻ nhà báo của người đứng đầu cơ quan đại diện và phóng viên thường trú.

5. Thủ tục 'Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)" - B-BTT- 053176-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Về mẫu đơn, tờ khai

- Thay tên mẫu đơn thành "Đơn đề nghị cấp phép xuất bản bản tin";

- Sửa đổi "Giấy phép số.." thành "Giấy phép/Quyết định thành lập số...".

c) Quy định nộp bản sao có xác nhận của cơ quan, tổ chức đối với các loại tài liệu trong thành phần hồ sơ.

6. Thủ tục "Cho phép họp báo" - B-BTT-053200-TT

a) Quy định trình tự thực hiện gồm các bước: kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; giải quyết thủ tục của cơ quan có thẩm quyền và trả kết quả giải quyết;

b) Bổ sung quy định thành phần hồ sơ cho thủ tục;

c) Ban hành "Đơn đề nghị cấp phép tổ chức Họp báo".

d) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bỏ yêu cầu, điều kiện "Nội dung họp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó";

- Sửa đổi các yêu cầu, điều kiện:

+ Yêu cầu "Phải báo trước bằng văn bản chậm nhất là 24 tiếng đồng hồ trước khi họp báo (đối với tổ chức, cá nhân ở trong nước" thành "Tổ chức, công dân muốn họp báo phải báo trước bằng văn bản chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ (không tính ngày nghỉ và ngày lễ) trước khi họp báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí";

+ Yêu cầu "Phải đăng ký bằng văn bản chậm nhất trước 48 giờ (đối với cơ quan nước ngoài và cá nhân người nước ngoài)" thành "Cơ quan nước ngoài và cá nhân người nước ngoài có nhu cầu tổ chức họp báo ở khu vực địa phận nào thì đăng ký bằng văn bản với Sở Thông tin và Truyền thông chậm nhất trước 48 giờ (không tính ngày nghỉ và ngày lễ).

7. Thủ tục "Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh cho cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương" - B-BTT-033282-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Sửa đổi tên cơ quan giải quyết từ Bộ Văn hóa - Thông tin thành Bộ Thông tin và Truyền thông và sửa tên mẫu "đơn xin cấp phép" thành "đơn đề nghị cấp phép".

8. Thủ tục "Cấp Giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in của địa phương" - B BTT-033852-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép;

c) Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

- Quy định nộp bản sao (có bản gốc đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc có chứng thực nếu nộp qua hệ thống bưu chính) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận thành lập;

- Bỏ quy định "bản cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh trật tự có xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền";

- Bổ sung quy định "bản sao kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự do cơ quan công an có thẩm quyền cấp".

9. Thủ tục "Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở địa phương" - B-BTT-033919-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Sửa tên "Đơn xin phép" thành "Đơn đề nghị cấp phép".

10. Thủ tục "Cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương" - B-BTT-034281-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.;

b) Ban hành mẫu đơn đề nghị cấp phép.

11. Thủ tục "Cấp giấy xác nhận đăng ký in vàng mã" - B-BTT-034377-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Quy định thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký in vàng mã;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu một trong các giấy sau: Giấy phép hoạt động in, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề in theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư; văn bản xác nhận mã số thuế đối với cơ sở in sự nghiệp;

- 02 bản thảo (bản mẫu) vàng mã đăng ký in.

c) Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Ban hành mẫu đơn, mẫu tờ khai.

đ) Quy định về thời hạn giải quyết là trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12. Thủ tục "Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh" - B-BTT-034453-TT

a) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Quy định số lượng bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

- Quy định trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện: nộp bản sao có chứng thực đối với các giấy tờ quy định tại điểm d và điểm đ Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11/01/2010. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan giải quyết: nộp bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

c) Sửa đổi thời hạn hiệu lực của giấy phép "trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký" thành "Giấy phép có hiệu lực cho đến khi thực hiện xong thủ tục thông quan".

13. Thủ tục "Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương" -B-BTT-034802-TT

a) Phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông được cấp phép cho cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại địa phương được tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm;

b) Quy định cách thức thực hiện như sau: nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở Thông tin và Truyền thông.;

c) Sửa tên mẫu "Đơn xin phép" thành mẫu "Đơn đề nghị cấp giấy phép";

d) Quy định thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu;

- Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ.

đ) Quy định số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ;

e) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục là 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

- Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

- Nghị định số 105/2007/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2007 về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm;

- Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản;

- Nghị định số 51/2002/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

- Nghị định số 128/2007/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về dịch vụ chuyển phát;

- Nghị định số 24/2004/NĐ ngày 14 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Tần số;

- Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ ban hành về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

- Nghị định số 98/CP ngày 13 tháng 9 năm 1997 của Chính phủ ban hành "Quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài;

- Nghị định số 67/CP ngày 31 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

để thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 1, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 47, 53, 54, 55, 59, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 70, 71, 72, 75, 78, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 mục I và khoản 1, 2, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13 mục II phần A của Phụ lục này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định để sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết một số điều nêu tại khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 mục I phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

3. Xây dựng Thông tư mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

- Thông tư số 08/2008/TT-BTTTT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều của Nghị định số 128/2007/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về dịch vụ chuyển phát;

- Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều liên quan đến lĩnh vực Xuất bản;

- Thông tư số 04/2008/TT-BTTTT ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 105/2007/NĐ-CP;

- Thông tư số 01/2005/TT-BBCVT ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát và đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát ở nước ngoài;

- Thông tư số 02/2006/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2006 của Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài đối với hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

- Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2007 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;

- Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác;

- Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ, thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng;

- Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 7 năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh quảng cáo;

- Thông tư số 06/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông;

- Thông tư số 09/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông;

- Thông tư số 11/2009/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục công trình viễn thông bắt buộc công bố sự phù hợp;

- Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

- Thông tư số 02/2008/TT-BTTTT ngày 04 tháng 4 năm 2008 hướng dẫn về cấp phép băng tần;

- Thông tư số 13/2008/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí;

- Quyết định số 33/2006/QĐ-BBCVT ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông Ban hành Quy định về quản lý chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông;

- Quyết định số 3865/QĐ-BVHTT ngày 04 tháng 11 năm 2003 về việc Ủy quyền cấp, thu hồi Giấy phép xuất bản bản tin;

- Quyết định số 28/2002/QĐ-BVHTT ngày 21 tháng 11 năm 2002 ban hành Quy chế xuất bản bản tin, tài liệu, tờ rơi; phát hành thông cáo báo chí; đăng, phát bản tin trên màn hình điện tử của các cơ quan, tổ chức nước ngoài, pháp nhân có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

để thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 1, 3, 4, 23, 24, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 42, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 73, 74, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 86, 87 mục I và khoản 1, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12, 13 mục II phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

4. Chủ trì, phối hợp với:

- Bộ Công an xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01 tháng 6 năm 2006 về quản lý trò chơi trực tuyến theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 19, 57 mục I phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011;

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT tại điểm hướng dẫn đăng ký quảng cáo trên mạng thông tin máy tính theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 58 mục I phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011;

- Bộ Ngoại giao xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên bộ số 84/TTLB-BVHTT-BNG của liên bộ Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Ngoại giao ngày 31 tháng 12 năm 1996 hướng dẫn thi hành quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư số 97/TTLB-BVHTT-BNG ngày 17 tháng 12 năm 1997 của Bộ Văn hóa - Thông tin - Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 69, 70, 71 mục I và khoản 3 mục II phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

5. Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định có liên quan tại:

- Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 về quản lý việc thu các chương trình truyền hình của nước ngoài;

- Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ

để thực hiện theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 49, 50, 51, 52, 56 mục I phần A của Phụ lục này, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải ban hành thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 12/2008/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy chế đào tạo và cấp giấy chứng nhận vô tuyến điện viên hàng hải để thực hiện theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 44, 45 mục I phần A của của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

7. Xây dựng văn bản quy phạm sửa đổi, bổ sung và quy định chi tiết việc cấp giấy phép hoạt động phát thanh truyền hình, cấp phép hoạt động truyền hình trả tiền theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 46, 47, 48 mục I phần A của Phụ lục này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011./.